

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Số 65 Hoàng Văn Thụ - P. Phan Đình Phùng – TP. TN

Điện thoại: 02803.852.553 - Fax: 02803.754.974

THAI NGUYEN BOOK PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City

Phone: 02803.852.553 - Fax: 02803.754.974

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2024
FINANCIAL REPORT
Q4, 2024

THÁI NGUYÊN – 2024

THAI NGUYEN - 2024

Mẫu số B01-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)
Form No. B01-DN
(Issued in accordance with Circular No.
200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, of
the Ministry of Finance)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Balance Sheet

Quý 4 năm 2024
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
Fourth quarter of 2024
(Applicable to businesses that meet the assumption of continuous operation)

Đơn vị tính: VN
Unit: VND

TÀI SẢN (Asset)	Mã số (Code)	Thuyết minh (Notes)	Số cuối kỳ (final number)	Số đầu năm (the first number of the year)
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (SHORT-TERM ASSETS)	100		177.440.867.951	173.381.550.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Cash and Cash Equivalents)	110	V.1	6.561.482.231	2.617.572.188
1. Tiền (Cash)	111		6.561.482.231	2.617.572.188
2. Các khoản tương đương tiền (Cash Equivalents)	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (Short-term financial investment)	120		9.392.228.559	11.647.385.000
1. Chứng khoán kinh doanh (Trading securities)	121	V.2	10.029.062.198	13.014.842.463
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (Provision for devaluation of trading securities (*))	122		(636.833.639)	(1.367.457.463)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Investments held to maturity)	123			
* Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1281) Investments held to	123A			
* Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1282) Investments held to	123B			
* Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1288) Investments held to	123C			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (Short-term receivables)	130		144.632.087.213	144.862.914.386
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Short-term receivables from	131	V.3	793.048.039	1.355.422.296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn (Advances to suppliers (short-	132	V.4	190.876.138	39.924.001
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (Short-term internal receivables)	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Receivables under construction contract progress)	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn (Short-term loans receivable)	135	V.5	3.713.000.000	1.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác (Other short-term receivables)	136	V.6	139.935.163.036	141.667.568.089
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) (Provision for doubtful short-term receivables (*))	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý (Missing assets awaiting processing)	139			
IV. Hàng tồn kho (Inventory)	140		16.538.845.787	13.918.360.877

1. Hàng tồn kho (Inventory)	141	V.7	16.538.845.787	13.918.360.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) (Provision for inventory write-down (*))	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác (Other Current Assets)	150		316.224.161	335.318.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn (Short-term prepaid expenses)	151	V.8a	29.372.938	95.318.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Value-added tax (VAT) deductible)	152		46.851.223	
*Thuế GTGT Đầu vào (Input VAT)	152A		46.851.223	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Taxes and other receivables from the State)	153		240.000.000	240.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (Transactions of buying and selling government bonds)	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác (Other current assets)	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (LONG-TERM ASSETS)	200		36.140.299.162	38.321.811.159
I. Các khoản phải thu dài hạn (Long-term receivables)	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng (Receivables from customers)	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn (Advances to suppliers (long-term))	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Business capital at affiliated units)	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn (Intercompany long-term receivables)	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn (Receivables from long-term loans)	215			
6. Phải thu dài hạn khác (Other long-term receivables)	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) (Provision for doubtful long-term receivables (*))	219			
II. Tài sản cố định (Fixed Assets)	220		11.682.469.282	12.781.380.185
1. Tài sản cố định hữu hình (Tangible Fixed Assets)	221	V.9	11.170.849.130	12.179.485.029
Nguyên giá(Original cost)	222		21.282.058.400	21.977.947.381
Giá trị hao mòn lũy kế (Accumulated depreciation)	223		-10.111.209.270	-9.798.462.352
2. Tài sản cố định thuê tài chính (Financial lease fixed assets)	224			
Nguyên giá (Original cost)	225			
Giá trị hao mòn lũy kế (Accumulated depreciation)	226			
3. Tài sản cố định vô hình (Intangible fixed assets)	227	V.10	511.620.152	601.895.156
Nguyên giá(Original cost)	228		832.250.000	832.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế (Accumulated depreciation)	229		-320.629.848	-230.354.844
III. Bất động sản đầu tư (Investment properties)	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn (Long-term unfinished assets)	240		3.632.317.123	3.632.317.123
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Unfinished production and business costs)	241	V.11	3.429.258.923	3.429.258.923
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Unfinished basic construction costs)	242	V.12	203.058.200	203.058.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn (Long-term financial investment)	250		20.020.700.000	20.020.700.000
1. Đầu tư vào công ty con (Investment in subsidiaries)	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Investment in joint ventures and affiliates)	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Investment in other entities)	253	V.13	20.020.700.000	20.020.700.000

4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) (Provision for long-term financial investment (*))	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Investment held to maturity)	255			
VI. Tài sản dài hạn khác (Other Long-term Assets)	260		804.812.757	1.887.413.851
1. Chi phí trả trước dài hạn (Prepaid expenses)	261	V.8b	804.812.757	1.887.413.851
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Deferred income tax assets)	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (Long-term equipment, materials, and replacement parts)	263			
4. Tài sản dài hạn khác (Other long-term assets)	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) (TOTAL ASSETS)	270		213.581.167.113	211.703.361.836

NGUỒN VỐN (Source of Capital)	Mã số (Code)	Thuyết minh (Notes)	Số cuối kỳ (final number)	Số đầu năm (the first number of the year)
1	2	3	4	4
C. NỢ PHẢI TRẢ (LIABILITIES)	300		14.492.936.252	13.801.868.047
I. Nợ ngắn hạn (Current Liabilities)	310		14.407.436.252	13.736.368.047
1. Phải trả người bán ngắn hạn (Short-term trade payables)	311	V.14	1.435.689.707	1.935.258.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Short-term advances from customers)	312	V.15	329.990.003	82.148.002
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Taxes and amounts payable to the state)	313	V.16		66.188.113
4. Phải trả người lao động (Amounts payable to employees)	314		353.154.342	748.265.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn (Short-term accrued expenses)	315	V.17	166.312.330	1.106.579.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn (Short-term internal payables)	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Payables under planned construction contract progress)	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Short-term unearned revenue)	318	V.18	283.454.550	228.909.082
9. Phải trả ngắn hạn khác (Other short-term payables)	319	V.19	199.680.000	201.692.087
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Short-term borrowings and finance lease liabilities)	320	V.20	11.562.802.820	9.290.975.559
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Short-term provisions)	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Reward and welfare funds)	322	V.21	76.352.500	76.352.500
13. Quỹ bình ổn giá (Price stabilization fund)	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (Government bond)	324			
II. Nợ dài hạn (Long-term Liabilities)	330		85.500.000	65.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn (Long-term trade payables)	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn (Long-term advances from customers)	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn (Long-term accrued expenses)	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Internal payables related to business capital)	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn (Other long-term internal payables)	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (Long-term unearned revenue)	336			
7. Phải trả dài hạn khác (Other long-term payables)	337		85.500.000	65.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Long-term borrowings and finance lease liabilities)	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi (Convertible bonds)	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi (Preferred shares)	340			

11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Deferred income tax liabilities)	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn (Long-term provisions)	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ (Science and technology	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (OWNER'S EQUITY)	400		199.088.230.861	197.901.493.789
I. Vốn chủ sở hữu (Owner's Equity)	410	V.22	199.088.230.861	197.901.493.789
1. Vốn góp của chủ sở hữu (Contributed capital by owners)	411		195.000.000.000	195.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần (Share premium)	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu (Bond conversion options)	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu (Other owner's capital)	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*) (Treasury shares (*))	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Asset revaluation differences)	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Foreign exchange differences)	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển (Development investment fund)	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (Enterprise restructuring support fund)	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Other funds under owner's equity)	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Undistributed after-tax profit)	421		3.389.083.386	2.202.346.314
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (The accumulated undistributed after-tax profit at the end of the previous period)	421a		2.202.346.314	418.467.105
- LNST chưa phân phối kỳ này (Undistributed after-tax profit for this period)	421b		1.186.737.072	1.783.879.209
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB (Capital for construction investment)	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (Funds and Other Reserves)	430			
1. Nguồn kinh phí (Funding sources)	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Funds used to form fixed assets)	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) (TOTAL)	440		213.581.167.113	211.703.361.836

Lập. Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Prepared on January 18, 2025

Người lập biểu
Preparer

(Ký, họ tên)
(Signature, full name)

Nguyễn Xuân Quỳnh
Nguyen Xuan Quynh

Kế toán trưởng
Chief Accountant

(Ký, họ tên)
(Signature, full name)

Phùng Thị Hà
Phung Thi Ha

Phó tổng giám đốc
Deputy General Director

(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, seal)



La Thị Mai Liên
La Thi Mai Lien

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BUSINESS PERFORMANCE REPORT

Quý 4 năm 2024
Quarter 4, 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu ((Indicators))	Mã số (Code)	Thuyết minh ((Notes))	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quarter 4		Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
			2024	2023	2024	2023
1	2	3	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Revenue from sales and service provision	01	VI.1	9.479.745.515	6.914.500.133	27.334.230.002	25.732.827.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu Deductions from revenue	02	VI.2	-	-		
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) Net revenue from sales and service provision (10 = 01 - 02)	10		9.479.745.515	6.914.500.133	27.334.230.002	25.732.827.327
4. Giá vốn hàng bán Cost of goods sold	11	VI.3	7.254.633.337	4.161.454.648	19.900.172.308	15.916.898.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) Gross profit from sales and service provision (20 = 10 - 11)	20		2.225.112.178	2.753.045.485	7.434.057.694	9.815.928.349
6. Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	21	VI.4	128.013.496	105.743.812	2.527.114.818	5.210.918.614
7. Chi phí tài chính Financial expenses	22	VI.5	540.597.547	714.286.330	71.568.294	1.110.037.499
Trong đó: Chi phí lãi vay Of which: Interest expenses	23		(192.357.509)	209.104.435	71.568.294	604.855.604
8. Chi phí bán hàng Selling expenses	25	VI.6	1.238.144.565	2.183.752.599	4.600.838.556	5.849.456.029

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp General and administrative expenses	26	VI.7	1.098.176.243	1.216.724.452	4.922.876.946	5.952.138.816
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26) Net profit from operating activities (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		(523.792.681)	(1.255.974.084)	365.888.716	2.115.214.619
11. Thu nhập khác Other income	31	VI.8	16.240.740	(273.838.921)	824.592.872	75.527.768
12. Chi phí khác Other expenses	32	VI.9	3.167.676	(287.497.915)	3.744.516	406.863.178
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) Other profit (40 = 31 - 32)	40		13.073.064	13.658.994	820.848.356	(331.335.410)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) Total accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		(510.719.617)	(1.242.315.090)	1.186.737.072	1.783.879.209
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành Current corporate income tax expense	51	VI.10	-	(128.111.639)		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại Deferred corporate income tax expense	52		-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) Profit after corporate income tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		(510.719.617)	(1.114.203.451)	1.186.737.072	1.783.879.209

Người lập biểu
Preparer

(Ký, họ tên)
(Signature, full name)

Nguyễn Xuân Quỳnh
Nguyen Xuan Quynh

Kế toán trưởng
Chief Accountant

(Ký, họ tên)
(Signature, full name)

Phùng Thị Hà
Phung Thi Ha

Lập. Ngày 18 tháng 01 năm 2025
Prepared on January 18, 2025
Phó tổng giám đốc
Deputy General Director

(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, seal)

Lã Thị Mai Liên
La Thi Mai Lien

Mẫu số B03-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)
Form No. B03-DN
(Issued in accordance with Circular No.
200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, of
the Ministry of Finance)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CASH FLOW STATEMENT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
From January 1, 2024, to December 31, 2024

Đơn vị tính: VN

Unit: VND

Chỉ tiêu (Indicators)	Mã số (Code)	Thuyết minh (Notes)	Số dư lũy kế đến quý 4 (Cumulative balance by Q4)	
			Năm 2024	Năm 2023
			2024	2023
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh Cash flows from operating activities				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác Cash received from sales, services, and other revenues	01		45.307.042.047	61.108.559.336
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ Cash paid to suppliers for goods and services	02		(26.534.613.760)	(55.088.927.221)
3. Tiền chi trả cho người lao động Cash paid to employees	03		(4.603.006.833)	(4.363.972.178)
4. Tiền lãi vay đã trả Interest paid	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp Corporate income tax paid	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh Other cash receipts from operating activities	06		25.597.922.904	34.745.968.972
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh Other cash payments for operating activities	07		(39.137.944.612)	(48.023.657.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh Net cash flow from operating activities	20		629.399.746	(11.622.028.618)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư Cash flows from investing activities				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác Cash paid to acquire fixed assets and other long-term assets	21			(35.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Cash received from liquidation and sale of fixed assets	22		510.907.407	(390.132.014)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác Cash paid for loans and purchases of other entities' debt instruments	23		(3.713.000.000)	(1.800.000.000)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác Cash collected from loans and sale of other entities' debt	24	1.800.000.000	10.044.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Cash paid for investments in other entities	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Cash received from divestment in other entities	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia Interest, dividends, and profits received	27	2.444.775.629	8.711.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư Net cash flow from investing activities	30	1.042.683.036	7.827.579.953

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính Cash flows from financing activities

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành Cash paid for capital withdrawal and share buybacks	32		
3. Tiền thu từ đi vay Cash received from borrowings	33	22.288.492.667	16.807.643.297
4. Tiền trả nợ gốc vay Cash repayments of borrowings	34	(20.016.665.406)	(14.822.272.393)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính Payments for financial lease obligations	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Dividends and profits paid to owners	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash flow from financing activities	40	2.271.827.261	1.985.370.904

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) Net cash flow during the period (50=20+30+40)	50	3.943.910.043	(1.809.077.761)
---	-----------	----------------------	------------------------

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	2.617.572.188	4.426.649.949
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ Effect of exchange rate changes on cash equivalents	61		

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60 + 61)	70	6.561.482.231	2.617.572.188
--	-----------	----------------------	----------------------

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2025
Prepared on January 18, 2025

Người lập biểu
Preparer

(Ký, họ tên)
(Signature, full name)


Nguyễn Xuân Quỳnh

Kế toán trưởng
Chief Accountant

(Ký, họ tên)
(Signature, full name)


Phùng Thị Hà

Phó tổng giám đốc
Deputy General Director

(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, seal)


Lã Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THAI NGUYEN BOOK PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending December 31, 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH EXPLANATORY NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Quý 4 năm 2024

Quarter 4 of 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/CHARACTERISTICS OF THE COMPANY'S OPERATIONS

1. Khái quát về Công ty/ Overview of the Company

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

The Thai Nguyen Book Publishing Joint Stock Company was established and operates under the Joint Stock Company Enterprise Registration Certificate No. 4600346889, issued on January 2, 2004, by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09 tháng 6 năm 2023.

During its operation, the Company has been issued 11 amendments to its Enterprise Registration Certificate by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province. These amendments involve the addition of business activities, changes in charter capital, and changes in the legal representative. The 11th amended Enterprise Registration Certificate was issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province on June 9, 2023.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 65 Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

Headquarters Information

Address: No. 65 Hoang Van Thu Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

Tax Code: 4600346889

2. Hình thức sở hữu vốn/ The form of capital ownership: Công ty Cổ phần / Joint Stock Company

3. Lĩnh vực kinh doanh/ Business sector: Kinh doanh thương mại/ Commercial business

4. Ngành nghề kinh doanh/Business sectors :

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm/ The main business activities of the Company in the year include:

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;

Wholesale of suitcases, bags, wallets, leather and faux leather goods, perfumes, cosmetics and hygiene products, ceramics, porcelain, glassware; household electrical appliances, lamps, and lighting sets; books, newspapers, magazines, stationery; sports equipment; other household items.

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Retail of audio and video tapes, games, toys, books, newspapers, magazines, stationery, beverages, sports equipment, and other items in specialized stores.

- Cho thuê mặt bằng./.

Rental of premise./.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường/ Normal production and business cycle:** Trong vòng 12 tháng/ *Within 12 months*

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC/ Statement on the ability to compare information on the financial statements:**

Số liệu BCTC quý 4/2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh với số liệu quý 4/2023 là số đã chỉnh sửa sau khi kiểm toán của công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

The financial statements for Q4/2024 are completely consistent and ensure comparability with the figures for Q4/2023, which have been revised after the audit by the limited liability company Nhan Tam Viet Auditing

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN/ FISCAL YEAR, CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING

1. **Năm tài chính/ Fiscal year**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

The company's fiscal year starts from January 1st and ends on December 31st each year.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán/ The currency unit used in accounting.**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

The currency unit used in accounting is the Vietnamese Dong (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG/ APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. **Chế độ kế toán áp dụng/ The accounting regime applied.**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

The company applies the Vietnamese Enterprise Accounting System issued according to Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, of the Minister of Finance, and the guiding circulars for the implementation of the standards and accounting regime by the Ministry of Finance.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán/ Statement on Compliance with Accounting Standards and Accounting Regime**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

The Board of Directors ensures compliance with the requirements of accounting standards, the Vietnamese Enterprise Accounting Regime issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, and Circular No. 53/2016/TT-BTC, which amends and supplements Circular

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

No. 200/2014/TT-BTC, as well as other guiding circulars from the Ministry of Finance regarding the preparation of financial statements.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG/ ACCOUNTING POLICIES APPLIED

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính/ Basis for preparing financial statements

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

The financial statements are prepared on an accrual basis (except for information related to cash flows).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền/Principles for recognizing cash and cash equivalents

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Cash includes cash on hand, demand deposits in banks, and monetary gold used for value storage purposes, excluding gold classified as inventory for use as raw materials to produce products or goods for sale.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Cash equivalents are short-term investments with a maturity or due date of no more than 3 months from the purchase date, easily convertible into a known amount of cash, and with little risk of changes in value when converted to cash.

3. Các khoản đầu tư tài chính/ Financial investments

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn/ Investments held to maturity

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

An investment is classified as held-to-maturity when the company intends and has the ability to hold it until maturity. Held-to-maturity investments include: term deposits (including promissory notes and bonds), bonds, mandatory redeemable preferred stocks at a specific point in the future, loans held to maturity with the purpose of earning interest regularly, and other investments held to maturity.

Các khoản cho vay/ Loans

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

The loans are recognized at their face value minus allowances for doubtful accounts. The allowance for doubtful accounts for loans is made based on the estimated level of potential losses that may occur.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết/ The investments in subsidiaries, joint ventures, and associates.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Công ty con/ Subsidiary company

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty. Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

A subsidiary is a business controlled by a parent company. Control is achieved when the parent company has the ability to direct the financial and operating policies of the invested company in order to obtain economic benefits from its activities.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Investments in subsidiaries are initially recognized at cost, which includes the purchase price or capital contribution, plus any directly attributable costs related to the investment. In the case of an investment made with non-monetary assets, the cost of the investment is recognized at the fair value of the non-monetary asset at the time the investment is made.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác/ Investing in the capital tools of another entity

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/ *The basis for setting up an investment loss provision for other entities:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

For investments in listed stocks or the fair value of investments determined reliably: The provision is made based on the market value of the stocks (similar to the provision for impairment of trading securities).

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác/ Trade receivables and other receivables

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi/ *Accounts receivable are presented at their carrying amount, less any provisions for doubtful accounts.*

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau/ *The classification of receivables as receivables from customers, internal receivables, and other receivables is carried out based on the following principles:*

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Accounts receivable from customers reflect the trade receivables arising from buy-sell transactions between the company and independent buyers, including receivables from sales of goods exported on consignment to other entities.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Other receivables reflect amounts receivable that are non-commercial and unrelated to buying and selling transactions

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau/ *The allowance for doubtful accounts is established for each receivable based on the aging of overdue debts or the estimated level of potential losses, specifically as follows::*

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
 - *For overdue receivables:*
 - For receivables overdue from 6 months to under 1 year: make a provision at a rate of 30%.*
 - For receivables overdue from 1 year to under 2 years: make a provision at a rate of 50%.*
 - For receivables overdue from 2 years to under 3 years: make a provision at a rate of 70%.*
 - For receivables overdue for more than 3 years: make a provision at a rate of 100%.*
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- *For accounts receivable that have not yet reached the due date for payment but are difficult to recover: provision should be made based on the anticipated loss level.*
- Any increase or decrease in the provision for doubtful receivables must be recognized as of the end of the financial year and recorded as part of administrative expenses."*

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho/ *The principle of inventory recognition.*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được/ *The inventory is recognized at the lower of cost and net realizable value.*

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau/ *The cost of inventory is determined as follows:*

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Raw materials, goods: Include the purchase cost and other directly related costs incurred to acquire inventory at its current location and condition.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
Finished goods: Include the cost of raw materials, direct labor, and related overhead costs allocated based on the normal level of activity/land usage costs, as well as direct and indirect costs incurred during the investment process of building real estate assets.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Work-in-progress: Includes only the cost of direct raw materials (or other relevant cost factors as appropriate).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

The net realizable value is the estimated selling price of inventory during normal production and business operations, minus the estimated costs to complete and the estimated costs necessary for its sale.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Inventory value is calculated using the weighted average method and is recorded under the periodic inventory system.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ/ *Principles of Recognition and Depreciation of Fixed Assets*

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình/ *The principle of recognition and depreciation of Tangible Fixed Assets.*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tangible fixed assets are presented at cost less accumulated depreciation. The cost of tangible fixed assets includes all expenses that the company must incur to acquire the asset and bring it into a condition ready for use. Costs incurred after initial recognition are only added to the cost of the tangible fixed asset if they are certain to increase future economic benefits from the use of the asset. Costs that do not meet this condition are recognized immediately as expenses.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

When a tangible fixed asset is sold or disposed of, the cost and accumulated depreciation are removed, and any gain or loss arising from the disposal is recognized as income or expense for the year.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method based on their estimated useful life.

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau/ *The depreciation period for tangible fixed assets is as follows:*

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Loại tài sản cố định Fixed assets	Số năm/ Number of years
Nhà cửa, vật kiến trúc Buildings and structures	10 – 25
Máy móc và thiết bị Machinery and equipment	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn Transport and transmission vehicles	6 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH/ The principle of recognition and depreciation of intangible fixed assets.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Intangible fixed assets are presented at their original cost minus accumulated depreciation. The Company's intangible fixed asset is computer software. The purchase price of computer software, which is not a component attached to the related hardware, is capitalized. The original cost of the computer software includes all the costs incurred by the Company up to the point the software is put into use.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước /The accounting principle of prepaid expenses.

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Prepaid expenses are costs that have already been incurred but are related to the results of business operations over multiple accounting periods. These costs are transferred to the business's operating expenses in the following accounting periods.

Công cụ, dụng cụ/ Tools and equipment

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tools and equipment that have been put into use are allocated to expenses using the straight-line method, with the allocation period not exceeding 36 months.

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh/ Business Cooperation Agreement

Tài sản đồng kiểm soát/ Jointly controlled assets

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau/ The company recognizes in the Financial Statements the joint venture agreements under the form of jointly controlled assets with the following contents:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
The company's share in jointly controlled assets is classified according to the nature of the asset.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
Liabilities arising solely from the company.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.

The portion of liabilities arising jointly that must be borne together with other joint venture participants from the joint venture activities.

- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.

Income from the sale or use of the share of products/services distributed from the joint venture, along with the expenses incurred from the activities of the joint venture.

- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

The company's expenses related to contributing capital to the joint venture.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Fixed assets and investment properties contributed to a business cooperation contract, without transferring ownership to become joint ownership of the joint venture parties, shall not be reduced from the assets. In the case where the company receives the contributed assets in a joint venture, they should be recorded as assets held in custody and not included in the increase in assets and business capital.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Fixed assets and investment properties contributed to a business cooperation contract with a transfer of ownership and under construction for shared control assets shall be reduced from the assets in the accounting books and recognized as part of the unfinished construction costs. After the shared control assets are completed and put into use, the company shall recognize an increase in its assets based on the value of the asset allocated to it according to its intended use.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát/ Joint control business activities

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau/ *The company recognizes the following content in the financial statements for joint business contracts under the form of joint control business activities:*

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu/ *The value of the assets currently owned by the company.*
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu/ *The liabilities the company must bear*
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh/ *The revenue generated from the sale of goods or provision of services by the joint venture.*

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

- Các khoản chi phí phải gánh chịu/ *The expenses that must be incurred.*

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/ *Incomplete construction costs*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

The basic construction in progress costs reflect the costs directly related (including interest costs related in accordance with the company's accounting policies) to assets under construction, machinery and equipment being installed for production, leasing, management purposes, as well as costs related to the repair of fixed assets being carried out. These assets are recognized at cost and are not subject to depreciation.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả/ *The principle of recognizing accounts payable and accrued expenses.*

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

The accounts payable and accrued expenses are recognized for the amounts to be paid in the future related to goods and services that have been received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amounts to be paid.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau/ *The classification of liabilities such as accounts payable, accrued expenses, intercompany payables, and other payables is carried out based on the following principles:*

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

The payable to the seller reflects trade payables arising from the purchase of goods, services, assets, and the seller is an independent entity or company, including payables when importing through an agent.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Payables reflect the amounts payable for goods or services received from the seller or provided to the buyer but not yet paid due to the absence of invoices or incomplete accounting records, as well as amounts payable to employees for wages, vacation leave, and production or business expenses that need to be accrued in advance.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
Other payables reflect amounts payable that are non-commercial and unrelated to transactions involving the purchase, sale, or provision of goods and services.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu/ *Principles of recognizing equity capital*

Vốn góp của chủ sở hữu/ Owner's contribution

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/ *The owner's capital contribution is recorded according to the actual capital contributed by the shareholders.*

Vốn khác của chủ sở hữu/ Owner's Other Equity

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Other capital is formed from the supplement from business operation results, asset revaluation, and the remaining value between the fair value of assets received as gifts, donations, or grants after deducting any related taxes (if any) on these assets

Thặng dư vốn cổ phần/ Share premium

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

The capital surplus is recorded based on the difference between the issue price and the par value of shares when they are initially issued, in supplementary issues, the difference between the repurchase price and the book value of treasury shares, and the equity component of convertible bonds upon maturity. Direct costs related to the supplementary issuance of shares and the reissue of treasury shares are deducted from the capital surplus.

12. Phân phối lợi nhuận/ *Profit Distribution*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

The post-tax profit of the enterprise is distributed to shareholders after setting up the funds as per the company's Charter and legal regulations, and after being approved by the General Meeting of Shareholders.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

The distribution of profits to shareholders takes into consideration non-cash items within the undistributed post-tax profit that may affect cash flow and the ability to pay dividends, such as gains from revaluation of assets contributed as capital, gains from revaluation of monetary items, financial instruments, and other non-cash items.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Dividends are recognized as a liability when approved by the General Meeting of Shareholders.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu/ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm/ Sales revenue of goods and products

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau/
Sales revenue of goods and products:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

The company has transferred most of the risks and benefits associated with the ownership of products or goods to the buyer.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

The company no longer retains control over the goods as the owner or the ability to manage them.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

Revenue is recognized as relatively certain. When the contract specifies that the buyer has the right to return the purchased products or goods under specific conditions, revenue is only recognized when those specific conditions no longer exist, and the buyer no longer has the right to return the product or goods (except when the customer has the right to return goods in exchange for other goods or services).

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

The company has received or will receive economic benefits from the sales transaction.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

The costs related to the sales transaction can be determined.

Doanh thu cung cấp dịch vụ/ Revenue from service provision

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
Revenue from service transactions is recognized when the outcome of the transaction can be reliably determined. In cases where services are provided over multiple periods, revenue is recognized in the period based on the work completed as of the end of the accounting period. The outcome of the service transaction is considered to be reliably determined when all of the following conditions are met:
- *The revenue can be determined with reasonable certainty. When a contract specifies that the buyer has the right to return the purchased service under certain conditions, revenue is only recognized when those specific conditions no longer exist and the buyer no longer has the right to return the service provided.*
- *It is probable that economic benefits will be obtained from the service transaction.*
- *The portion of the work completed by the end of the fiscal year can be determined.*
- *The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service transaction can be determined.*

Tiền lãi/ Interest

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Interest is recognized on an accrual basis, determined based on the balance of deposit accounts and the actual interest rate for each period.

Cổ tức và lợi nhuận được chia/ Dividend and the profit shared

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dividends and profit sharing are recognized when the company is entitled to receive dividends or profits from its capital contributions. Dividends received in the form of shares are only tracked by the increase in the number of shares, without recognizing the value of the received shares or recording them at par value.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán/ The principle of accounting for cost of goods sold.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

The cost of goods sold for the year is recorded in line with the revenue generated during the period and ensures compliance with the prudence principle.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

For direct material costs that exceed normal consumption levels, labor costs, and fixed production overheads that are not allocated to the value of inventory, accounting must immediately charge

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

these to the cost of goods sold (after deducting any compensation, if applicable), even when the products or goods have not been identified as sold.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

The provision for inventory write-down is included in the cost of goods sold based on the inventory quantity and the difference between the net realizable value and the cost of inventory. When determining the inventory volume subject to a write-down, accounting must exclude inventory that is already under a sales contract (with a net realizable value not lower than the carrying value) but has not yet been transferred to the customer, provided there is reliable evidence that the customer will not back out of the contract.

15. Chi phí đi vay/ *Borrowing cost*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

The borrowing costs include interest on loans and other expenses directly related to the loans.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. If borrowing costs are directly related to the investment in the construction or production of an asset under development that requires a significant amount of time (over 12 months) to be ready for its intended use or sale, these borrowing costs should be capitalized. For loans used specifically for constructing fixed assets or investment properties, interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Any income generated from temporarily investing the loan proceeds is deducted from the asset's carrying value.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

For common loans, where part of the loan is used for construction or the production of an asset under development, the capitalized borrowing costs are determined based on the capitalization ratio, which is applied to the weighted average accumulated costs incurred for the basic construction or production of that asset. The capitalization ratio is calculated using the weighted average interest rate of loans that have not been repaid during the year, excluding loans specifically for creating a particular asset.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp/ *The principle of accounting for selling expenses and administrative expenses.*

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Selling expenses reflect the actual costs incurred in the process of selling products, goods, or providing services, including costs for product promotion, advertising, sales commissions, product warranty costs (excluding construction activities), storage, packaging, and transportation costs.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Administrative expenses reflect the general management costs of the enterprise, including expenses related to salaries for the management staff (wages, allowances, etc.); social insurance, health insurance, union funds, and unemployment insurance for management employees; office supplies, labor tools, depreciation of fixed assets used for business management; land rental, business license tax; provisions for doubtful receivables; external services (electricity, water, telephone, fax, property insurance, fire insurance, etc.); other cash expenses (client receptions, customer conferences, etc.).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ *The principle and method of recognizing current corporate income tax expenses.*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ The current corporate income tax rate.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Corporate income tax is a current income tax, calculated based on taxable income. The taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses, as well as adjustments for tax-exempt income and carried-forward losses.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

The company is obligated to pay corporate income tax at a rate of 20%.

18. Công cụ tài chính/ *Financial instruments*

Tài sản tài chính/ Financial assets

Phân loại tài sản tài chính/ Classification of financial assets

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

The company classifies financial assets into the following groups: financial assets recognized at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables, and available-for-sale financial assets. The classification of these financial assets depends on the nature and purpose of the financial asset and is determined at the time of initial recognition.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ The financial assets are recognized at fair value through the Income Statement.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Financial assets are classified as measured at fair value through the Statement of Profit or Loss if they are held for trading or designated at fair value through the Statement of Profit or Loss at the initial recognition date.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu/ *Financial assets are classified into the group of securities held for trading if:*

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
They are purchased or created primarily for the purpose of resale in the short term;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
The company intends to hold them for the purpose of making short-term profits;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
Derivative financial instruments (except those identified as financial guarantee contracts or effective hedging instruments).

Nợ phải trả tài chính/ *Financial Liabilities*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

The company classifies financial liabilities into the following groups: financial liabilities recognized at fair value through profit or loss, and financial liabilities measured at amortized cost. The classification of financial liabilities depends on the nature and purpose of the financial liability and is determined at the time of initial recognition.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ Financial liabilities recognized at fair value through the income statement

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Financial liabilities are classified as recognized at fair value through the income statement if they are held for trading or designated as fair value through profit or loss at initial recognition.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu/ *Financial payables are classified as trading securities if:*

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
They are issued or created primarily for the purpose of repurchasing in the short term;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
The company intends to hold them for the purpose of making short-term profit;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
Derivative financial instruments (except for derivative financial instruments identified as a financial guarantee contract or an effective hedging instrument).

19. Bên liên quan/ *Related parties*

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

The parties are considered related if one party has the ability to control or has significant influence over the other party in making financial policies and operational decisions.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

Transactions with related parties during the year are presented in Note VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 4 NĂM 2024/ ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE BALANCE SHEET FOR THE FOURTH QUARTER OF 2024****1. Tiền và các khoản tương đương tiền/ Cash and cash equivalents**

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>	Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>
Tiền mặt (Cash)	2.487.757.068	2.151.629.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (Demand deposits)	4.073.725.163	465.943.075
Cộng(Total)	6.561.482.231	2.617.572.188

2. Chứng khoán kinh doanh/ Business Securities

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)			Số đầu năm (The first number of the year)		
	Số lượng (Quantity)	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)	Số lượng (Quantity)	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)
Cổ phiếu kinh doanh (stocks for business.)						
DHM – Cty CP Thương mại và khai thác khoáng sản Dương Hiếu (Duong Hieu Trading and Mineral Exploitation Joint Stock Company)	920.800	8.760.524.805	(610,256,246)	1.542.700	13.014.842.463	(1.367.457.463)
TIS – Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Thai Nguyen Iron and Steel Joint Stock Company)	203.600	1.268.537.393	(26.577.393)			
Cộng (Total)	1.124.400	10.029.062.198	(636.833.639)	1.542.700	13.014.842.463	(1.367.457.463)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn/ Short-term receivables from customers

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>	Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>
Phải thu các bên liên quan <i>Collect from the stakeholders</i>	71.010.240	987.570.610
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng <i>Thai Hung Trading Joint Stock Company</i>	71.010.240	987.570.610
Phải thu các khách hàng khác <i>Accounts receivable from other customers</i>	722.037.799	367.851.685
Bệnh viện Gang Thép <i>Gang Thép Hospital</i>	55.226.998	100.704.998
Công ty TNHH Trống Đồng Thăng Long <i>Thang Long Bronze Drum Limited Liability Company</i>	275.918.875	
Các khách hàng khác <i>Other customers</i>	390.891.926	267.146.688
Cộng Total	793.048.039	1.355.422.296

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/ Advance payment for short-term seller**

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>	Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>
Các nhà cung cấp khác <i>Other suppliers</i>	190.876.138	39.924.001
Cộng Total	190.876.138	39.924.001

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/ Accounts receivable for short-term loans

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>	Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>
Cho bà Lương Thị Văn vay với lãi suất 7%/năm <i>Loan to Mrs. Luong Thi Van with an interest rate of 7% per year.</i>		600.000.000
Cho bà Dương Thị Liên vay với lãi suất 7%/năm <i>Loan to Mrs. Duong Thi Lien with an interest rate of 7% per year.</i>		600.000.000
Cho bà Ng. Thị Phương Thảo vay với lãi suất 7%/năm <i>Loan to Mrs. Nguyen Thi Phuong Thao with an interest rate of 7% per year.</i>		600.000.000
Quỹ tín dụng nhân dân Tân Cương <i>Tan Cuong People's Credit Fund.</i>	3.713.000.000	
Cộng Total	3.713.000.000	1.800.000.000

6. Các khoản phải thu khác/ Other receivables**a, Ngắn hạn/ Short-term**

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>		Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>	
	Giá trị <i>(Price)</i>	Dự phòng <i>(Reserve)</i>	Giá trị <i>(Price)</i>	Dự phòng <i>(Reserve)</i>
Phải thu các bên liên quan <i>(Collect from stakeholders)</i>	138.727.293.000	-	139.903.293.000	-
Cty CP Thương mại Thái Hưng <i>Thai Hung Trading Joint Stock Company</i>	135.400.000.000		135.400.000.000	
Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng <i>Mrs. Nguyen Thi Quy - Advance Payment</i>	3.327.293.000		4.503.293.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác <i>Receivables from other organizations and individuals</i>	1.207.870.036	-	1.764.275.089	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi <i>Loan interest, deposit interest</i>			105.832.674	
Tạm ứng Advances	973.628.000		1.630.958.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác <i>Other short-term receivables</i>	234.242.036		27.484.415	
Cộng Total	139.935.163.036	-	141.667.568.089	-

(*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2023/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2023 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND.

Ngày 01 tháng 01 năm 2023, hai bên đã ký biên bản ghi nhớ số 01/BBGN/TH-PHS thống nhất về việc sử dụng phần vốn chưa thu hồi là 135,4 tỷ đồng tiếp tục để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower.

(*) This is the business cooperation fund with the related party, Thai Hung Trading Joint Stock Company, under the Business Cooperation Agreement No. 01/HĐHTKD/TH-PHS signed on March 3, 2019, and its Appendices No. 01 dated February 3, 2020, and No. 02 dated April 15, 2020. According to the agreement, Thai Nguyen Book Distribution Joint Stock Company and Thai Hung Trading Joint Stock Company jointly invested in the construction, operation, and exploitation of the project: "IRIS International Kindergarten and IRIS Primary School, Secondary School, and High School." The business cooperation period is 5 years. The resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2023/STH/NQ-ĐHĐCĐ dated June 16, 2023, of Thai Nguyen Book Distribution Joint Stock Company, and the minutes of the agreement No. 2606/BBTT.2023/TH-STH dated June 26, 2023, with Thai Hung Trading Joint Stock Company approved the plan to recover the invested capital for the above project. As of December 31, 2023, the company had recovered an investment amount of 45,000,000,000 VND. On January 1, 2023, both parties signed Memorandum No. 01/BBGN/TH-PHS agreeing to use the remaining unrecovered capital of 135.4 billion VND to continue carrying out work related to the construction of the Thai Hung Complex Tower project.

(**) Tạm ứng để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower tại số 65 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

(**) An advance for the implementation of tasks related to the construction of the Thai Hung Complex Tower project at 65 Hoang Van Thu Street, Thai Nguyen City.

7. Hàng tồn kho/ Inventory

	Số cuối quý 4		Số đầu năm	
	(End of Quarter 4 number)		(The first number of the year)	
	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)
Hàng hóa				
Merchandise	16.538.845.787		13.918.360.877	
Cộng Total	16.538.845.787		13.918.360.877	-

8. Chi phí trả trước/ Prepaid expenses

a, Chi phí trả trước ngắn hạn / Short-term prepaid expenses

	Số cuối quý 4	Số đầu năm
	(End of Quarter 4 number)	(The first number of the year)
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh		
Business location rental cost	29.372.938	90.150.210
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		
Other short-term advance payments		5.168.016
Cộng Total	29.372.938	95.318.226

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**b, Chi phí trả trước dài hạn / Long-term prepaid expenses**

	Số cuối quý 3 <i>(End of Quarter 3 number)</i>	Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>
Công cụ dụng cụ <i>Tools and equipmen</i>	581.548.124	1.593.436.441
Chi phí sửa chữa <i>Repair costs</i>	223.264.633	293.977.410
Cộng Total	804.812.757	1.887.413.851

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình / Increase or decrease in tangible fixed assets

	Nhà cửa, vật kiến trúc <i>(Buildings, architectural structures)</i>	Thiết bị, dụng cụ quản lý <i>(Equipment, management tools)</i>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <i>(Transport vehicles, transmission equipment)</i>	Cộng (Total)
Nguyên giá Original cost				
Số đầu năm <i>Beginning balance</i>	20.134.502.001	259.037.400	1.584.407.980	21.977.947.381
Tăng trong năm <i>Increase during the year</i>				
Giảm trong năm do thanh lý <i>Decrease during the year due to liquidation</i>			(695.888.981)	(695.888.981)
Số cuối năm <i>Ending balance</i>	20.134.502.001	259.037.400	888.518.999	21.282.058.400
Trong đó: Among them				-
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng <i>Fully depreciated but still in use</i>	938.935.330	179.970.582	338.519.000	1.457.424.912
Giá trị hao mòn <i>Depreciation value</i>				
Số đầu năm <i>Beginning balance</i>	8.399.056.632	214.491.005	1.184.914.715	9.798.462.352
Khấu hao trong năm <i>Depreciation for the year</i>	1.090.055.463	26.355.612	153.085.844	1.269.496.919
Giảm do thanh lý <i>Decrease due to disposal</i>			(956.750.001)	(956.750.001)
Số cuối năm <i>Ending balance</i>	9.489.112.095	240.846.617	381.250.558	10.111.209.270
Giá trị còn lại <i>Remaining value</i>				
Số đầu năm <i>Beginning balance</i>	11.735.445.369	44.546.395	399.493.265	12.179.485.029
Số cuối năm <i>Ending balance</i>	10.645.389.906	18.190.783	507.268.441	11.170.849.130

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Tài sản cố định là “nhà làm việc và bán hàng” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 3.850.493.039 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

The fixed asset is the "office and sales house" of the Company, with an original cost and remaining value of 8,380,906,239 VND and 3,850,493,039 VND, respectively. It is currently being mortgaged to secure a loan from Woori Vietnam Bank - Thai Nguyen Branch.

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình/ Increase or decrease in intangible fixed assets

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau/ *Intangible fixed assets are computer software. The details arising during the year are as follows:*

	Nguyên giá (Original cost)	Hao mòn lũy kế (Cumulative depreciation)	Giá trị còn lại (Remaining value)
Số đầu năm <i>Beginning balance</i>	832.250.000	(230.354.844)	601.895.156
Tăng trong năm <i>Increase during the year</i>			
Khấu hao trong năm <i>Depreciation for the year</i>	-	(90.275.004)	(90.275.004)
Số cuối năm <i>Ending balance</i>	832.250.000	(320.629.848)	511.620.152

Trong đó, nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 168.000.000 VND.

The original value of the asset has been fully depreciated but is still in use, amounting to 168,000,000 VND.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn/ Long-term unfinished production and business costs

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)		Số đầu năm (The first number of the year)	
	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <i>Work-in-progress production and business costs.</i>	3.429.258.923	-	3.429.258.923	-
Cộng <i>Total</i>	3.429.258.923	-	3.429.258.923	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/ Incomplete construction costs**

	Số đầu năm (Beginning balance)	Chi phí phát sinh trong năm (Expenses incurred during the year)	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm (Transfer to fixed assets in the year)	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)
Xây dựng cơ bản dở dang <i>Incomplete basic construction</i>	203.058.200			203.058.200
Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương <i>Incomplete basic construction of Phu Luong bookstore</i>	-			-
XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER <i>Construction of Thai Hung COMPLEX TOWER</i>	203.058.200			203.058.200
Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhai <i>Construction and repair of Vo Nhai bookstore</i>	-			-
Cộng Total	203.058.200			203.058.200

13. Đầu tư tài chính dài hạn/ Long-term financial investment

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)		Số đầu năm (The first number of the year)	
	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)	Giá gốc (Original price)	Dự phòng (Reserve)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Investment in capital contribution to another entity</i>	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-
Ngân hàng TMCP PVcombank (*) <i>PVcombank Commercial Joint Stock Bank (*)</i>	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-
Cộng Total	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-

(*) Năm 2022, công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 2.002.070 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ bên liên quan là Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 20.020.700.000 VND.

In 2022, the company successfully acquired 2,002,070 shares of the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Public Interest from a related party, Thai Hung Trading Joint Stock Company, at a transfer price of 20,020,700,000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**14. Phải trả người bán ngắn hạn / Short-term accounts payable**

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)		Số đầu năm (The first number of the year)	
	Giá trị (Value)	Số có khả năng trả nợ (The number with the ability to repay the debt)	Giá trị (Value)	Số có khả năng trả nợ (The number with the ability to repay the debt)
Phải trả các nhà cung cấp khác Other suppliers to be paid	1.435.689.707	1.435.689.707	1.935.258.430	1.935.258.430
Công ty Cổ Phần Cây Xanh Ngọc Đăng <i>Ngoc Dang Green Tree Joint Stock Company</i>	200.043.092	200.043.092	563.915.832	563.915.832
Cty TNHH Hợp Thành Phát Thái Nguyên <i>Hop Thanh Phat Thai Nguyen Limited Liability Company</i>			249.724.931	249.724.931
Cty TNHH Văn phòng phẩm Thái Nguyên <i>Thai Nguyen Stationery Limited Liability Company</i>	151.742.341	151.742.341	194.929.702	194.929.702
Công ty TNHH Thái Minh Thành <i>Thai minh Thanh Limited Liability Company</i>	231.590.504	231.590.504		
Các nhà cung cấp khác <i>Other suppliers</i>	852.313.770	852.313.770	926.687.965	926.687.965
Cộng Total	1.435.689.707	1.435.689.707	1.935.258.430	1.935.258.430

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/ Short-term advance payments from customers

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)	Số đầu năm (The first number of the year)
Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL <i>Hanoi CAPITAL Limited Liability Service Company</i>	14.428.000	82.148.000
Các khách hàng khác <i>Other clients</i>	315.562.003	2
Cộng Total	329.990.003	82.148.002

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước/ Taxes and state contributions**

	Số đầu năm (The first number of the year)		Số phát sinh (Generated number)		Số cuối quý 3 (End of Quarter 3 number)	
	Số phải nộp (Amount to be paid)	Số thuế nộp thừa (Excess tax paid)	Số phải nộp (Amount to be paid)	Số đã nộp (The number has been submitted)	Số phải nộp (Amount to be paid)	Số thuế nộp thừa (Excess tax paid)
Thuế GTGT hàng bán nội địa Value Added Tax (VAT) on domestic sales	66.188.113	-	364.532.162	(430.720.275)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp Corporate Income Tax	-	240.000.000	-	-		240.000.000
Tiền thuê đất Land Rental Fees	-	-	200.389.082	(200.389.082)		-
Thuế TNCN Personal Income Tax			20.504.200	(20.504.200)		
Các loại thuế khác Other taxes	-	-	4.000.000	(4.000.000)		-
Cộng Total	66.188.113	240.000.000	589.425.444	(589.425.444)		240.000.000

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước/ Excess taxes paid are presented under the item "Taxes and Other Amounts Receivable from the State."

Thuế giá trị gia tăng/ Value-Added Tax (VAT)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ/ The company pays VAT under the credit method.

Thuế thu nhập doanh nghiệp/ Corporate Income Tax

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10/Details of the corporate income tax payable for the year are presented in Note VI.10.

Các loại thuế khác/ Other Taxes

Công ty kê khai và nộp theo quy định/ The company declares and pays taxes in accordance with regulations.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn/ Short-term payable costs

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)	Số đầu năm (The first number of the year)
Chi phí thuê văn phòng phải trả Office rent payable	150.831.074	1.051.960.000
Lãi vay phải trả Interest payable on loans	15.481.256	54.619.178
Cộng Total	166.312.330	1.106.579.178

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/ Short-term unearned revenue**

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)	Số đầu năm (The first number of the year)
Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI <i>SAVANI International Fashion Limited Liability Company</i>	200.000.000	145.454.538
Chi nhánh Công ty Cổ phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT tại Hà Nội <i>Branch of FPT Digital Retail Joint Stock Company in Hanoi</i>	83.454.550	83.454.544
Cộng Total	283.454.550	228.909.082

19. Các khoản phải trả khác/ Other payables**a, Ngắn hạn / Short term**

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)	Số đầu năm (The first number of the year)
Phải trả các bên liên quan <i>Payables to related parties</i>	199.680.000	199.680.000
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả <i>Payables for the remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board</i>	199.680.000	199.680.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác <i>Payables to other entities and individuals</i>		2.012.087
Các khoản phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>		2.012.087
Cộng Total	199.680.000	201.692.087

b, Dài hạn / Long-term

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

Is the deposit or collateral for the lease contracts

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**20. Vay và nợ thuê tài chính/ Loans and Financial Lease Liabilities****Ngắn hạn / Short term**

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>		Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>	
	Giá trị <i>(Value)</i>	Số có khả năng trả nợ <i>(The number with the ability to repay the debt)</i>	Giá trị <i>(Value)</i>	Số có khả năng trả nợ <i>(The number with the ability to repay the debt)</i>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan <i>Short-term loans and financial lease payables to related parties</i>	3.065.985.079	3.065.985.079	3.615.985.079	3.615.985.079
Vay Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng <i>Loan from Thái Hưng Trading Joint Stock Company</i>	3.065.985.079	3.065.985.079	3.615.985.079	3.615.985.079
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác <i>Short-term loans and financial lease payables to other organizations and individuals</i>	8.496.817.741	8.496.817.741	5.674.990.480	5.674.990.480
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên <i>Woori Vietnam Bank Limited Liability Company - Thai Nguyen Branch</i>	8.496.817.741	8.496.817.741	5.257.733.797	5.257.733.797
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Vay margin <i>BIDV bank Securities Joint Stock Company - Margin loan</i>			417.256.683	417.256.683
Cộng Total	11.562.802.820	11.562.802.820	9.290.975.559	9.290.975.559

Các khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty trừ tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455.

The loans are secured by the entire legal assets of the company, except for the assets that are residential ownership rights and land-attached assets at the address Phan Dinh Phung Street, Thai Nguyen City, according to the Land Use Rights, Home Ownership, and Other Assets Attached to Land Certificate number AC588455.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)

Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2023, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2023. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

It is a loan from Woori Vietnam Bank, a one-member limited liability bank, Thai Nguyen Branch, under the Credit Limit Agreement No. VN120003476-002 dated June 25, 2021, extended by the Appendix Agreement No. 03/PLHĐCV-VN120003476-002 dated June 26, 2023, with the credit limit valid until June 25, 2023. The loan limit is 9,750,000,000 VND, the purpose of the loan is to supplement working capital, and the loan term is 6 months for each debt acknowledgment note. The loan interest rate is equal to the average deposit interest rate for a 3-month term of state-owned banks + 2.75%/year margin. The collateral for the loan is the residential ownership rights and assets attached to the land at Phan Dinh Phung Street, Thai Nguyen City, according to the Land Use Rights, Home Ownership, and Other Assets Attached to Land Certificate No. AC588455 issued on August 15, 2008, and certificate number BG553733 issued on September 13, 2011, by the People's Committee of Thai Nguyen Province.

Là khoản vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

It is a margin loan at the Vietnam Investment and Development Bank Securities Joint Stock Company.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau/ *The detailed occurrence of short-term loans and financial lease liabilities is as follows:*

	Số đầu năm (The first number of the year)	Số tiền vay phát sinh trong năm (The amount of loan incurred during the year)	Số tiền vay đã trả trong năm (The amount of loan repaid during the year)	Kết chuyển từ vay dài hạn (Transfer from long- term loan)	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)
Vay Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng Loan from Thai Hung Trading Joint Stock Company	3.615.985.079		(550.000.000)		3.065.985.079
Vay ngắn hạn ngân hàng Short-term loan from the bank	5.264.954.029	14.782.429.604	(11.550.565.892)		8.496.817.741
Cộng Total	8.880.939.108	14.782.429.604	(12.100.565.892)		11.562.802.820

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi/ Reward and Welfare Fund

	Số cuối quý 4 (End of Quarter 4 number)	Số đầu năm (The first number of the year)
Quỹ khen thưởng Reward Fund	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi Welfare Fund	38.176.250	38.176.250
Cộng Total	76.352.500	76.352.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu/ Owner's equity

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu/ Statement of Changes in Equity

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu Owner's Investment Capital	Thặng dư vốn cổ phần Share Capital Surplus	Vốn khác của chủ sở hữu Other Owner's Capital	Quỹ đầu tư phát triển Development Investment Fund	Lợi nhuận chưa phân phối Undistributed Profit	Cộng Total
Số dư đầu năm nay Beginning balance of this year	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	418.467.105	196.117.614.580
Lợi nhuận trong năm trước Profit from last year	-	-	-	-	1.783.879.209	1.783.879.209
Số dư cuối năm trước Ending balance of last year	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	2.202.346.314	197.901.493.789
Số dư đầu năm nay Beginning balance of this year	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	2.202.346.314	197.901.493.789
Lợi nhuận trong năm nay Profit from this year	-	-	-	-	1.186.737.072	1.186.737.072
Số dư cuối năm nay Ending balance of this year	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	3.389.083.386	199.088.230.861

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu / Details of the owner's investment capital

	Số cuối năm (End-of-year number)	Tỷ lệ (Rate)	Số đầu năm (The first number of the year)	Tỷ lệ (Rate)
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng Thai Hung Trading Joint Stock Company	36.000.000.000	18,46%	36.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Vinh Mrs Nguyen Thi Vinh	21.550.200.000	11,05%	21.550.200.000	11,05%
Bà Nguyễn Thị Quy Mrs Nguyen Thi Quy	26.216.200.000	13,44%	26.216.200.000	13,44%
Bà Bạch Phương Vinh Mrs Bach Phuong Vinh	21.546.000.000	11,05%	21.546.000.000	11,05%
Các cổ đông khác Other shareholders	89.687.600.000	46,00%	89.687.600.000	46,00%
Cộng Total	195.000.000.000	100,00%	195.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Cổ phiếu/ Stock**

	Số cuối quý 4 <i>(End of Quarter 4 number)</i>	Số đầu năm <i>(The first number of the year)</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành <i>Number of shares registered for issuance</i>	19.500.000	19.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng <i>Number of shares issued/sold to the public</i>	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông <i>Common shares</i>	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi <i>Preferred shares</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Number of shares currently in circulation</i>	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông <i>Common shares</i>	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi <i>Preferred shares</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ *The face value of the outstanding shares is 10,000 VND.***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH/ ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INCOME STATEMENT****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ Sales revenue and service provision****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**
Cumulative from the beginning of the year to the end of this period

	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Doanh thu bán hàng hóa <i>Revenue from goods sales</i>	24.511.443.186	20.222.818.308
Doanh thu cung cấp dịch vụ <i>Revenue from service provision</i>	2.822.786.816	5.510.009.019
Cộng <i>Total</i>	27.334.230.002	25.732.827.327

2. Giá vốn hàng bán/ Cost of Goods Sold**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**
Cumulative from the beginning of the year to the end of this period

	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán <i>Cost of goods sold</i>	19.193.698.208	15.089.259.121
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp <i>Cost of services provided</i>	706.474.100	827.639.857
Cộng <i>Total</i>	19.900.172.308	15.916.898.978

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**3. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial revenue**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này <i>Cumulative from the beginning of the year to the end of this period</i>	
	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay <i>Interest on deposits, loans</i>	246.586.710	454.533.107
Lãi chuyển nhượng công ty con <i>Interest from transferring subsidiary companies</i>		4.675.000.000
Lãi kinh doanh chứng khoán <i>Income from securities trading</i>	2.280.528.108	81.385.507
Cộng Total	2.527.114.818	5.210.918.614

4. Chi phí tài chính/ Financial costs

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này <i>Cumulative from the beginning of the year to the end of this period</i>	
	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Chi phí lãi vay <i>Interest expense</i>	480.486.630.	604.855.604
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con <i>Provision/reversal of provision for impairment of investment in subsidiary</i>		(4.413.235.129)
Lỗ kinh doanh chứng khoán <i>Loss from securities trading</i>	958.539.127	3.550.959.561
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư tổn thất đầu tư <i>Provision/(Reversal) provision for impairment of trading securities and investment losses</i>	(1.367.457.463)	(1.367.457.463)
Cộng Total	71.568.294	1.110.037.499

5. Chi phí bán hàng/ Selling expenses

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này <i>Cumulative from the beginning of the year to the end of this period</i>	
	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Chi phí cho nhân viên <i>Employee costs</i>	3.420.764.582	3.826.711.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định <i>Depreciation costs of fixed assets</i>	306.488.610	320.577.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài <i>Outsourced service costs</i>	206.363.209	1.032.307.413
Các chi phí khác (Other costs)	667.222.155	669.860.468
Cộng Total	4.600.838.556	5.849.456.029

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Business management costs****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**
Cumulative from the beginning of the year to the end of this period

	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Chi phí cho nhân viên <i>Employee costs</i>	1.564.583.831	1.663.010.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định <i>Depreciation costs of fixed assets</i>	1.060.314.728	994.718.132
Thuế, phí và lệ phí <i>Taxes, fees, and charges</i>	387.376.713	408.099.817
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi <i>Provision/(Reversal) of bad debts receivable</i>		(25.255.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài <i>Outsourced service costs</i>	46.744.129	14.805.246
Các chi phí khác <i>(Other costs)</i>	1.863.857.545	2.896.760.721
Cộng Total	4.922.876.946	5.952.138.816

7. Thu nhập khác/ Other income**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**
Cumulative from the beginning of the year to the end of this period

	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Các khoản thu nhập khác <i>Other income</i>	824.592.872	75.527.768
Cộng Total	824.592.872	75.527.768

8. Chi phí khác/ Other costs**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**
Cumulative from the beginning of the year to the end of this period

	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Chi phí khác <i>Other costs</i>	3.744.516	406.863.178
Cộng Total	3.744.516	406.863.178

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THAI NGUYEN PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 65 Hoang Van Thu, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province

FINANCIAL REPORT FOR Q4/2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

Notes to the Financial Statements (continued)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ Current corporate income tax costs**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau/ The corporate income tax payable for the year is estimated as follows:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này <i>Cumulative from the beginning of the year to the end of this period</i>	
	Năm nay <i>This year</i>	Năm trước <i>Last year</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Total accounting profit before tax</i>	1.186.737.072	1.783.879.209
Thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	1.382.672.556	2.000.290.373
Lỗ các năm trước được chuyển <i>Losses carried forward from previous years</i>	(1.382.672.556)	(2.000.290.373)
Thu nhập tính thuế <i>Taxable income calculated</i>		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Corporate income tax rate</i>	20%	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành <i>Total current corporate income tax expense</i>		

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2025

Made on January 18, 2025

Người lập biểu*Form creator***Kế toán trưởng***Chief Accountant***Phó tổng Giám đốc***Deputy General**Director*


Nguyễn Xuân Quỳnh
Nguyen Xuan Quynh


Phùng Thị Hà
Phung Thi Ha




La Thị Mai Liên
La Thi Mai Lien